HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2022/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 6906/TTr-UBND, ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

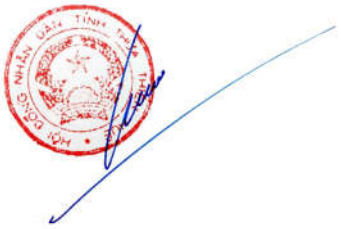
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTVQH; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Uỷ ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các thành viên BCĐ;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*, là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thuộc Chương trình

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến Chương trình.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

4. Việc phân bổ vốn kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các huyện, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

5. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình.

Chương II
PHÂN BỔ VỐN CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH, TỪNG ĐỊA PHƯƠNG THEO TỪNG DỰ ÁN/TIỂU DỰ ÁN

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi tắt là địa phương)

1. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các địa phương thực hiện Chương trình được quy định và tổng hợp từ vốn phân bổ của các Dự án/Tiểu dự án thành phần của địa phương đó.

2. Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và số điểm của từng huyện tính toán theo Chương III Quy định này để xác định tổng số vốn phân bổ cho địa phương thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các Dự án/Tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^{n} V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i

$(i = \overline{1,n})$

- k là địa phương thứ k

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng Dự án/Tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i.X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của Dự án/Tiểu dự ánthứ i cho địa phương thứ k.

- $X_{k,i}$: Số điểm của Dự án/Tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.

- Q_i: Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của Dự án/Tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^{n} X_{k,i}}$$

- G_i: Vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho Dự án/Tiểu dự án thứ i.

Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình

1. Tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) - ngân sách trung ương hỗ trợ

Ngân sách địa phương đảm bảo đối ứng tối thiểu bằng 15% ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh - huyện/xã)

Tỷ lệ đối ứng ngân sách tỉnh - ngân sách huyện/xã cụ thể theo Bảng sau:

TT	Địa phương	Tỷ lệ đối ứng NSĐP (%)		Ghi chú
		Tỉnh	Huyện, xã	
1	Huyện Nam Đông	70	30	
2	Huyện A Lưới	80	20	
3	Huyện Phú Lộc	35	65	
4	Thị xã Hương Trà	0	100	

3. Đối với các Tiểu dự án thuộc Chương trình nhưng ngân sách trung ương không hỗ trợ cho tỉnh Thừa Thiên Huế thì sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ, tỷ lệ đối ứng theo Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

CHƯƠNG III
TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM

Điều 6. Dự án 01: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 1 phần III chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Vốn đầu tư

- Hỗ trợ đất ở.

- Hỗ trợ nhà ở.

- Hỗ trợ đất sản xuất.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung.

b) Vốn sự nghiệp

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán.

3. Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Điều 7. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 2 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

2. Nội dung hỗ trợ

Theo điểm c khoản 2 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

3. Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

Điều 8. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1:Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm a khoản 3 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm a khoản 3 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

2.Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 3 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm b khoản 3 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Điều 9. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc-Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Phạm vi hỗ trợ

a) 14 xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) 04 thôn đặc biệt khó khăn và 01 bản dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Nội dung hỗ trợ

Theo điểm a khoản 4 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

3. Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này.

Điều 10. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm a khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm a khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ chocác Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 1 Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm b khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 2 Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm c khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm c khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm d khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm d khoản 5 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Cách tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 4 Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

Điều 11. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ

Theo khoản 6 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

2. Nội dung hỗ trợ

Theo khoản 6 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục VI kèm theo Nghị quyết này.

Điều 12. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Đối tượng hỗ trợ

Theo khoản7phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

2. Nội dung hỗ trợ

Theo khoản 7 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục VII kèm theo Nghị quyết này.

Điều 13. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Phạm vi hỗ trợ

a) 14 xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) 04 thôn đặc biệt khó khăn và 01 bản dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT của Ủy ban dân tộc ngày 16 tháng 9 năm 2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Đối tượng hỗ trợ

Theo khoản 8 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

3. Nội dung hỗ trợ

Theo khoản 8 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Phụ lục VIII kèm theo Nghị quyết này.

Điều 14. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

1. ***Tiểu dự án 1:*** Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Phạm vi hỗ trợ

Theo điểm a khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm a khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm a khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản1 Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết này.

2. ***Tiểu dự án 2:*** Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu

Theo điểm b khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm b khoản 9 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 2 Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết này.

Điều 15. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. ***Tiểu dự án 1:*** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

a) Phạm vi hỗ trợ

Theo điểm a khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm a khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm a khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 1 Phụ lục Xkèm theo Nghị quyết này.

2. ***Tiểu dự án 2:*** Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phạm vi hỗ trợ

Theo điểm b khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm b khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm b khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 2 Phụ lục X kèm theo Nghị quyết này.

3. ***Tiểu dự án 3:*** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Đối tượng hỗ trợ

Theo điểm c khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

b) Nội dung hỗ trợ

Theo điểm c khoản 10 phần III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

c) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tính điểm cho các địa phương làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Phụ lục X kèm theo Nghị quyết này.